

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST

Ngày: 25-7-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán  
hàng hóa”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thới

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Bùi Quốc Lê

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2024/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH S (gọi tắt Công ty S);

*Địa chỉ trụ sở:* TL H, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Công ty:* Ông Gíp Cao T – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T:* Chị Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1981.

*Địa chỉ:* Số H đường V, Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 18/12/2023).

*Bị đơn:* Công ty TNHH X (gọi tắt Công ty X);

*Địa chỉ trụ sở:* Lô A C2 Tòa nhà S, Khu đô thị N, Phường T, Quận C, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật của Công ty:* Ông Lê Minh T1 – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

(Chị **H** có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 18/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Thực hiện hợp đồng kinh tế số: 0106/HDPE/NT ngày 01 tháng 06 năm 2023, được ký giữa **Công ty TNHH S** và **Công Ty TNHH X** về việc: mua bán hàng hóa (màng chống thấm HDPE qui cách theo từng đơn đặt hàng) hai bên đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa đợt cuối cùng ngày 02 tháng 08 năm 2023. Tổng giá trị hợp đồng mua bán hai bên ký kết là 1.156.760.003 đồng (một tỷ một trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm linh ba đồng).

Theo Điều 1 của Hợp đồng về thanh toán, bên Mua sẽ thanh toán cho bên Bán 70% giá trị hợp đồng trước khi bên A giao hàng ra khỏi nhà máy và thanh toán 30% còn lại trong vòng 07-10 ngày sau khi bên B nhận được hàng hóa.

Căn cứ vào các Biên bản giao nhận hàng hóa và các hóa đơn giá trị gia tăng Công ty đã phát hành cho bị đơn. Kỳ hạn để thanh toán 30% số tiền còn lại của hợp đồng 0106/HDPE/NT là vào ngày 11/08/2023. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện theo đúng như Điều 1 của Hợp đồng đã ký. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bộ phận kế toán công nợ điện thoại, gửi xác nhận công nợ đến bị đơn và yêu cầu thanh toán tiền hàng còn nợ.

Sau nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn không hợp tác, nguyên đơn đã gửi Công văn số: 01/11 ngày 01 tháng 11 năm 2023 yêu cầu **Công Ty X** trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày Công ty nhận được Công văn yêu cầu thanh toán của nguyên đơn và đến ngày 15 tháng 12 năm 2023 đã quá hạn 10 ngày nguyên đơn vẫn chưa nhận được phần tiền bị đơn còn nợ là: 348.260.003 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm lẻ ba đồng).

Tính đến ngày 15 tháng 12 năm 2023 bị đơn đã chậm thanh toán cho nguyên đơn theo điều khoản đã quy định trong Hợp đồng nêu trên là hơn 120 ngày.

Thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 0106/HDPE/NT **Công Ty S** đã giao đầy đủ số lượng hàng hóa cũng như hóa đơn chứng từ như hai bên đã thỏa thuận. **Công ty X** đã thanh toán cho **Công ty S** được số tiền 808.500.000 đồng (tám trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng), còn nợ số tiền là 348.260.003 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm lẻ ba đồng).

Căn cứ vào Điều 6 Hợp đồng mua bán đã ký quy định "*trong trường hợp có bất đồng mà hai bên không hòa giải được thì hợp đồng sẽ mang ra Tòa án nhân dân huyện Bến Lức giải quyết*" nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến

Lúc giải quyết buộc Công Ty TNHH X phải thanh toán cho Công ty S số tiền mua hàng hóa còn nợ nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công Ty TNHH X phải thanh toán cho Công ty S số tiền mua hàng hóa còn nợ là 348.260.003 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm lẻ ba đồng) và tự nguyện không tính tiền lãi của số nợ này. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, Công Ty TNHH X vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu và lời trình bày của mình. Đồng thời, cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

*Về tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

*Về nội dung:*

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ có liên quan như: Bản sao hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 01/6/2023; Bản sao hóa đơn giá trị gia tăng các ngày 09/6/2023, ngày 29/6/2023, ngày 02/8/2023; Bản sao Phiếu xuất kho ngày 05/6/2023, ngày 02/8/2023; Bản sao công văn yêu cầu thanh toán công nợ ngày 13/11/2023; Bản sao sổ chi tiết công nợ khách hàng đến ngày 30/11/2023.

Công ty TNHH S và Công ty TNHH X đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 0106/HDPE/NT ngày 01/06/2023 về việc mua bán màng chống thấm HDPE. Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH S đã cung cấp đầy đủ hàng hóa cho Công ty TNHH X với tổng giá trị là 1.156.760.003 đồng, tuy nhiên phía Công ty TNHH X chỉ thanh toán

được số tiền là 808.500.000 đồng thì không thanh toán nữa, hiện còn nợ của Công ty TNHH S số tiền là 348.260.003 đồng.

Xét thấy, việc các bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng nêu trên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương Mại năm 2005 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty TNHH S đã hoàn thành đầy đủ việc cung cấp hàng hóa nhưng Công ty TNHH X vẫn không thực hiện là đã vi phạm điều 1 của Hợp đồng kinh tế, vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương Mại. Do đó, Công ty TNHH S khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH X phải thanh toán số tiền còn nợ là 348.260.003 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn xác định Công ty TNHH X còn nợ Công ty TNHH S số tiền là 348.260.003 đồng.

Từ những nhận định trên: Căn cứ vào các Điều 24, 50, 55 Luật Thương Mại năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về các thủ tục tố tụng:*

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ. Xét thấy, theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa các đương sự, có thỏa thuận khi hai bên phát sinh tranh chấp sẽ chọn Tòa án nhân dân huyện Bến Lức để giải quyết và các bên giao nhận hàng hóa tại kho của nguyên đơn có địa chỉ trụ sở tại xã L, huyện B. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án:

Công ty TNHH S khởi kiện buộc Công Ty TNHH X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định Công Ty TNHH X là bị đơn.

*Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, cung cấp các tài liệu thể hiện nguyên đơn đã giao hàng hóa và bị đơn nhận hàng hoàn tất theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết: Phiếu xuất kho ngày 02/8/2023, ảnh báo phát, hành trình (lịch sử) giao nhận hàng hóa, các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/6/2023, ngày 29/6/2023 và ngày 02/8/2023, là sự thật nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, nguyên đơn khởi kiện bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán như sau:

[3.1]. Nguyên đơn căn cứ vào Điều 1 của Hợp đồng quy định về thanh toán “...*Thanh toán 30% còn lại tương đương số tiền 346.500.000 VNĐ trong vòng 7-10 ngày sau khi Bên B nhận được hàng...*”. Theo Điều 4 của các Hợp đồng quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các bên “*trách nhiệm, quyền hạn Bên B có trách nhiệm thanh toán theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng. Nếu bên B không thanh toán theo quy định tại điều 1 bên A có quyền ngưng cung cấp hàng cho bên B và bên A có quyền nhận lại hàng hóa của mình*”.

[3.2]. Nguyên đơn nộp Đơn khởi kiện Tòa án đã thụ lý vụ án và tổng đạt các Văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản phản hồi nào của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn phải thanh toán theo Công văn số 01/11- ngày 13/11/2023 về việc yêu cầu thanh toán công nợ, Sổ chi tiết công nợ khách hàng đến 30/11/2023 nhưng đến nay bị đơn cũng chưa thanh toán số tiền còn nợ nêu trên cho nguyên đơn.

[4]. Từ những phân tích tại mục [3], Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa. Buộc bị đơn Công Ty TNHH X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền mua hàng còn nợ là 348.260.003 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm lẻ ba đồng*). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền còn nợ này.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty TNHH X phải chịu án phí là 17.413.000 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty TNHH S theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 430, 432, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, 50 Luật Thương mại năm 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với bị đơn Công ty TNHH X về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2. Buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng còn nợ cho Công ty TNHH S là 348.260.003 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm lẻ ba đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Buộc bị đơn Công ty TNHH X phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền là 17.413.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bảy triệu bốn trăm mười ba ngàn đồng*).

3.2. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH S đã nộp là 8.706.000 đồng (*Bằng chữ: Tám triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006833 ngày 20/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Thới**